

THAY ĐỔI KIẾN THỨC, THỰC HÀNH SỬ DỤNG KHÁNG SINH CỦA BÀ MẸ CÓ CON NHIỄM KHUẨN HÔ HẤP CẤP TÍNH SAU GIÁO DỤC SỨC KHỎE TẠI BỆNH VIỆN ĐÔNG HƯNG - THÁI BÌNH

Phạm Thị Hiếu¹, Nguyễn Thị Huyền Trang¹, Phạm Thị Thúy Liên¹,
Phạm Văn Tự¹, Vũ Thị Hải²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá sự thay đổi kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính điều trị tại Bệnh viện đa khoa Đông Hưng - Thái Bình sau giáo dục sức khỏe. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu thực hiện trên 97 bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính điều trị tại Bệnh viện đa khoa Đông Hưng từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2020. Với phương pháp nghiên cứu can thiệp giáo dục sức khỏe có so sánh trước - sau trên một nhóm đối tượng về kiến thức sử dụng kháng sinh dựa trên hướng dẫn sử dụng kháng sinh của Bộ Y tế và khuyến cáo của WHO. **Kết quả:** Trước can thiệp giáo dục sức khỏe, kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của các bà mẹ còn thấp. Trước can thiệp bà mẹ có kiến thức đạt là 34%, điểm trung bình là $7,85 \pm 4,05$ trên tổng điểm 18, bà mẹ có thực hành đạt là 43,3%, điểm trung bình là $6,3 \pm 2,09$ trên tổng điểm 12. Sau can thiệp, kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của các bà mẹ tăng đáng kể và đạt 100%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$. **Kết luận:** Kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của các bà mẹ trước can thiệp còn hạn chế nhưng đã cải thiện đáng kể sau can thiệp. Điều này cho thấy hiệu quả của giáo dục sức khỏe trong việc nâng cao kiến thức, thực hành cho các bà mẹ về sử dụng kháng sinh.

Từ khóa: Thay đổi kiến thức, sử dụng kháng sinh, nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

SUMMARY

CHANGING KNOWLEDGE AND PRACTICE OF ANTIBIOTICS USE BY MOTHERS OF CHILDREN WITH ACUTE RESPIRATORY INFECTIONS AFTER HEALTH EDUCATION AT DONG HUNG HOSPITAL - THAI BINH

Objective: Assessing the change in knowledge and practice of antibiotic use of mothers of children under 5 years old with acute respiratory infections treated at Dong Hung General Hospital - Thai Binh after health education. **Subjects and methods:** The study was carried out on 97 mothers with children under 5 years of age with acute respiratory infections

treated at Dong Hung General Hospital from March to June 2020. With the research method Health education intervention has before - after comparison on a group of subjects on knowledge of antibiotic use based on the guidelines for antibiotic use of the Ministry of Health and recommendations of WHO. **Results:** Before the health education intervention, mothers' knowledge and practice of antibiotic use was still low. The percentage of mothers who have knowledge of antibiotic use is 34%, the average score is 7.85 ± 4.05 out of a total score of 18. The percentage of mothers who have practice in using antibiotics is 43.3%, the average score is 6.3 ± 2.09 out of 12. After the intervention, mothers' knowledge and practice of antibiotic use increased significantly and reached 100%. The difference was statistically significant with $p < 0.01$. **Conclusion:** The knowledge and practice of using antibiotics of mothers before the intervention was limited but improved significantly after the intervention. This shows the effectiveness of health education in improving mothers' knowledge about rational use of antibiotics and limiting the consequences of antibiotic resistance.

Keywords: Change in knowledge, use of antibiotics, acute respiratory infections

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kháng kháng sinh đã gây ra cái chết cho hơn 25000 người ở Liên minh châu Âu mỗi năm [8]. Ở Hoa Kỳ, kháng kháng sinh gây ra sự sụt giảm trong tổng sản phẩm quốc nội từ 0,4% đến 1,6% với hơn 2,8 triệu ca nhiễm trùng kháng sinh xảy ra mỗi năm và ít nhất 12.800 người đã chết trong năm 2017 [7].

Tự điều trị là tình trạng khá phổ biến ở Việt nam cũng như nhiều nước trên thế giới [6]; trong khi đó, xác suất tự dùng thuốc kháng sinh cao hơn thường gặp ở những người có kiến thức kém hơn về sử dụng kháng sinh.

Trẻ em là nhóm đối tượng mà việc sử dụng thuốc phụ thuộc hoàn toàn vào người thân; trong đó, phần lớn là bà mẹ của trẻ. Tuy nhiên, các bà mẹ lại thường tự dùng thuốc khi trẻ bị bệnh [6]. Vì vậy, việc có kiến thức tốt về kháng sinh và sử dụng kháng sinh hợp lý của bà mẹ sẽ giúp trẻ được sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, góp phần làm hạn chế tình trạng kháng thuốc.

Bệnh viện đa khoa Đông Hưng, mỗi năm khám và điều trị cho khoảng 2364 trẻ dưới 5 tuổi mắc nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính. Trong 6 tháng đầu năm 2020, 405 trẻ mắc nhiễm khuẩn

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

²Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng, Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Thị Hiếu

Email: hieuddnd@gmail.com

Ngày nhận bài: 21.3.2022

Ngày phản biện khoa học: 5.5.2022

Ngày duyệt bài: 13.5.2022

hô hấp cấp tính có chỉ định thử nghiệm kháng sinh đồ 294 trẻ được phát hiện vi khuẩn kháng kháng sinh

Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu: *Thay đổi kiến thức, thực hành sử dụng kháng sinh sau giáo dục sức khỏe ở bà mẹ của trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại bệnh viện Đông Hưng, Thái Bình*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu. Nghiên cứu thực hiện trên 97 bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính điều trị tại Bệnh viện đa khoa Đông Hưng từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu can thiệp trên 01 nhóm đối tượng, so sánh trước và sau can thiệp bằng tư vấn giáo dục sức khỏe. Cỡ mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu toàn bộ bà mẹ có con dưới 5 tuổi mắc NKHHCT nằm điều trị tại khoa Nhi và Tai - Mũi - Họng, bệnh viện đa khoa Đông Hưng, tỉnh Thái Bình từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2020

2.3. Phương pháp phân tích số liệu: Sử dụng phần mềm SPSS 16.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu, Kết quả nghiên cứu cho thấy độ tuổi trung bình của bà mẹ là 29,3±9,7 với tuổi cao nhất là 41 và tuổi thấp nhất là 19. Trong đó, bà mẹ ở nhóm tuổi từ 25 đến 34 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất với 72,2%. Nhóm bà mẹ có 2 con chiếm tỉ lệ 43,3%. Nhóm bà mẹ có 1 con và từ 3 con trở lên chiếm tỉ lệ lần lượt là 30,9% và 25,8%.

Phần lớn bà mẹ trong nghiên cứu sống ở nông thôn, chiếm 92,8%, chỉ có 7,2% bà mẹ sống ở thành thị.

Về trình độ học vấn có 69,1% bà mẹ học vấn từ THPT trở lên trong đó trình độ TC/CD trở lên chỉ chiếm 28,9%, 30,9% học vấn từ THCS trở xuống.

Nghề nghiệp là công nhân nhiều nhất với 36,1%, sau đó đến công chức, viên chức và nhóm nông dân có tỉ lệ bằng nhau 15,5%, nghề buôn bán, dịch vụ chiếm 10,3%, nội trợ chiếm 9,3%. Còn lại 13,4% các bà mẹ làm nghề tự do.

3.2. So sánh thay đổi kiến thức, thực

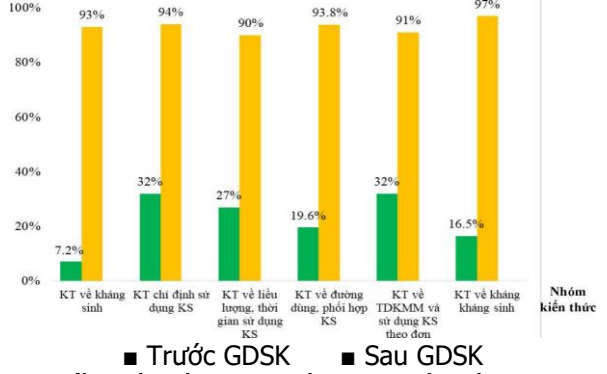
3.2.3. Thay đổi điểm trung bình chung kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của bà mẹ sau giáo dục sức khỏe

Bảng 3.1. Thay đổi điểm trung bình chung kiến thức và thực hành của bà mẹ

Nội dung	Thời điểm đánh giá	Điểm trung bình chung kiến thức và thực hành			p (T-test)
		Min	Max	X ± SD	
Kiến thức sử dụng kháng sinh	T1	0	17	7,85 ± 4,05	< 0,01

hành sử dụng kháng sinh của bà mẹ trước và sau giáo dục sức khỏe

3.2.1. Thay đổi kiến thức của bà mẹ về sử dụng kháng sinh theo nhóm kiến thức sau giáo dục sức khỏe



Kiến thức sử dụng kháng sinh của bà mẹ theo nhóm kiến thức được thay đổi rõ rệt sau giáo dục sức khỏe, tỉ lệ có kiến thức đạt sau can thiệp ở mỗi nhóm kiến thức đều đạt trên 90%. Tỉ lệ bà mẹ có kiến thức đạt thay đổi nhiều nhất ở nhóm kiến thức về kháng sinh (7,2% - 93%) và nhóm kiến thức về kháng kháng sinh (16,5% - 97%). Tỉ lệ bà mẹ có kiến thức đạt về tác dụng không mong muốn và sử dụng kháng sinh theo đơn thay đổi ít nhất cũng tăng gần gấp 3 lần so với trước can thiệp GDSK (32% -91%).

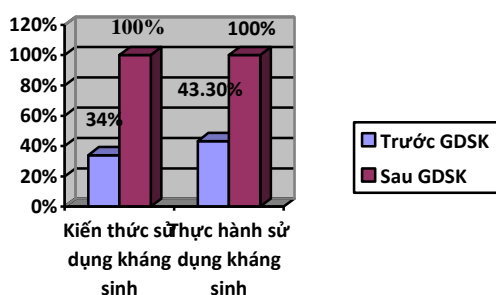
3.2.2. Thay đổi thực hành của bà mẹ về sử dụng kháng sinh sau giáo dục sức khỏe.

Sau giáo dục sức khỏe, 100% bà mẹ khẳng định không yêu cầu bác sĩ kê thêm thuốc kháng sinh so với trước can thiệp chỉ có 68%, 100% bà mẹ tuân thủ lời khuyên của bác sĩ khi dùng thuốc kháng sinh so với trước can thiệp là 73,2% và 100% bà mẹ cho biết không tăng hay giảm liều thuốc so với liều khuyến cáo so với trước can thiệp là 78,4%, 100% bà mẹ đã biết được hiệu quả của việc tiêm chủng đầy đủ theo hướng dẫn và việc rửa tay thường xuyên so với trước can thiệp là 52,6%. Về việc không sử dụng kháng sinh dự thừa và không dự trữ thuốc kháng sinh để phòng ngừa thay đổi ít hơn với 55,7% và 59,8% trước can thiệp lên 96,9% và 95,9% sau can thiệp. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p < 0,01.

	T2	12	18	17,34 ± 1,24	
Thực hành sử dụng kháng sinh	T1	1	11	6,30 ± 2,09	< 0,01
	T2	10	12	11,75 ± 0,52	

Điểm trung bình chung kiến thức và thực hành của bà mẹ về sử dụng kháng sinh sau giáo dục sức khỏe được cải thiện đáng kể. Trong đó tăng nhiều hơn ở kiến thức sử dụng kháng sinh với 7,85 ± 4,05 trước giáo dục sức khỏe lên 17,34 ± 1,24 sau giáo dục sức khỏe. Sự thay đổi khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p < 0,01.

3.2.4. Thay đổi mức độ kiến thức và thực hành của bà mẹ sau giáo dục sức khỏe



Sau can thiệp GDSK, tỉ lệ bà mẹ có kiến thức, thực hành sử dụng kháng sinh đạt thay đổi rõ rệt. Trước giáo dục sức khỏe, tỉ lệ bà mẹ có kiến thức, thực hành sử dụng kháng sinh đạt lần lượt là 34% và 43,3%. Tỉ lệ này sau giáo dục sức khỏe cả kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh đạt là 100%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p < 0,01.

IV. BÀN LUẬN

Trong 97 bà mẹ tham gia nghiên cứu, độ tuổi trung bình của các bà mẹ là 29,3 ± 9,7. Trong đó, bà mẹ ở nhóm tuổi từ 25 đến 34 tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất với 72,2%. Một số kết quả nghiên cứu cho thấy đây là nhóm tuổi có kiến thức sử dụng kháng sinh còn chưa cao [8]. Tuy nhiên, đây cũng là độ tuổi mà các bà mẹ có thể có những hiểu biết nhất định về nhiều mặt và khá nhanh nhẹn để có thể tiếp thu tốt các kiến thức mới, thuận lợi cho việc thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe.

Về nơi ở có tới 92,8% bà mẹ sống ở nông thôn. Kết quả này là phù hợp do nghiên cứu của chúng tôi thực hiện tại Bệnh viện đa khoa Đông Hưng là Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, chủ yếu khám, điều trị cho người dân của thị trấn Đông Hưng và các xã trong huyện cùng một số xã vùng lân cận. Về trình độ học vấn của các bà mẹ trong nghiên cứu không cao, Trình độ TC/CD trở lên chỉ chiếm 28,9%. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thu Hoài với 17,2% [5]

nhưng thấp hơn kết quả thu được trong nghiên cứu của Chu Thị Đào, tỉ lệ này là 65,7% [3]. Sự khác biệt này có thể do địa điểm nghiên cứu khác nhau.

Về nghề nghiệp có 51,6% bà mẹ là công nhân, nông dân. Đây cũng là những đối tượng có kiến thức về sử dụng kháng sinh ở mức thấp hơn [3]. Dễ dàng để hiểu được các bà mẹ này ít có khả năng tiếp cận với các chương trình giáo dục sức khỏe nói chung cũng như kiến thức về sử dụng kháng sinh nói riêng do sự hạn hẹp về thời gian cũng như đặc điểm riêng của môi trường sống.

Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng tài liệu "hướng dẫn sử dụng kháng sinh" của Bộ y tế và những khuyến cáo trong thực hành sử dụng kháng sinh của WHO làm cơ sở kiến thức để tư vấn giáo dục cho các bà mẹ. Sử dụng phương pháp tư vấn trực tiếp kèm phát tờ rơi, dựa trên kiến thức còn thiếu hụt của bà mẹ qua khảo sát.

Kết quả thu được sau can thiệp giáo dục sức khỏe bước đầu đã cho thấy hiệu quả của can thiệp là cao. Trước can thiệp tỉ lệ bà mẹ có kiến thức sử dụng kháng sinh đúng là 34%, sau can thiệp tỉ lệ này là 100%, trước can thiệp tỉ lệ bà mẹ có thực hành đúng về sử dụng kháng sinh là 43,3%, sau can thiệp tỷ lệ này cũng là 100%

Sự thay đổi nhiều nhất là nhóm kiến thức về kháng sinh (trước can thiệp là 7,2% có kiến thức đúng, sau can thiệp tăng lên 93%). Điểm trung bình kiến thức sử dụng kháng sinh của các bà mẹ trước can thiệp là 7,85 ± 4,05, sau can thiệp là 17,34 ± 1,24 với p < 0,01; với tỉ lệ kiến thức đúng trước can thiệp là 34% tăng lên 100% sau can thiệp. Sau can thiệp tỉ lệ bà mẹ có kiến thức tốt về kháng kháng sinh tăng cao lên 97% so với 16,5% trước can thiệp. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Hiếu (2012) cũng cho thấy hiệu quả đáng kể của can thiệp khi trước can thiệp, có 49,5% bà mẹ biết rằng không dùng kháng sinh khi trẻ ho, cảm lạnh đã tăng lên 63,8% sau can thiệp [4]. Điểm trung bình thực hành sử dụng kháng sinh của các bà mẹ trước can thiệp là 6,30 ± 2,09 sau can thiệp là 11,75 ± 0,52 với p < 0,01; Sau giáo dục sức khỏe, 100% bà mẹ khẳng định không yêu cầu bác sĩ kê thêm thuốc kháng sinh, tuân thủ lời khuyên của bác sĩ khi dùng thuốc kháng sinh và không tăng hay giảm liều thuốc so với liều khuyến cáo, biết được hiệu quả của việc tiêm chủng đầy đủ theo hướng dẫn và việc rửa tay thường xuyên so với trước can thiệp là 52,6%.

Các kết quả trên đã cho thấy hiệu quả ban đầu của chương trình giáo dục sức khỏe, có sự tương tác qua lại giữa người tư vấn và đối tượng được tư vấn. Biết được những hạn chế trong kiến thức về tư vấn, lắng nghe, giải đáp trực tiếp những thắc mắc của đối tượng được tư vấn, giúp giải tỏa những phân vân nghi ngờ góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

V. KẾT LUẬN

Kiến thức sử dụng kháng sinh đạt của bà mẹ tăng từ 34% lên 100%. Điểm trung bình tăng từ 7,85 ± 4,05 lên 17,34 ± 1,24 trên tổng điểm 18.

Thực hành sử dụng kháng sinh đạt tăng từ 43,3% lên 100%. Điểm trung bình tăng từ 6,3 ± 2,09 lên 11,75 ± 0,52 trên tổng điểm 12.

Sự khác biệt cả kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh trước và sau giáo dục sức khỏe có ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế (2017)**. Quyết định số 4041/QĐ-BYT ngày 7 tháng 9 năm 2017 của Bộ Y tế, phê duyệt "đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán

thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020".

2. **Bộ Y tế (2019)**. Quyết định số 127/QĐ-BYT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Y tế về việc ban hành "Hướng dẫn thực hiện giám sát quốc gia về kháng sinh".
3. **Chu Thị Đào (2018)**. Kiến thức, thái độ, thực hành về sử dụng kháng sinh điều trị viêm đường hô hấp trên của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại huyện Hoài Đức, Hà Nội năm 2018, Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
4. **Nguyễn Thị Minh Hiếu (2012)**. Đánh giá hiệu quả can thiệp cộng đồng trong thực hành xử trí nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ dưới 5 tuổi tại huyện Ba Vì và Đan Phượng, Hà Nội, Luận án tiến sĩ Y tế công cộng, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.
5. **Nguyễn Thu Hoài, Đàm Khải Hoàn và Phạm Phương Liên (2018)**. Kiến thức, thực hành về sử dụng kháng sinh cho trẻ dưới 5 tuổi của các bà mẹ tại xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, năm 2018. Tạp chí Y học công cộng, 4(51), 38 - 42.
6. **Nguyễn Văn Kính, Lương Ngọc Khuê và Trương Quốc Cường (2010)**. Phân tích thực trạng sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh ở Việt Nam, CDDEP, Washington DC- New Delhi.
7. **CDC US (2019)**. Antibiotic resistance threats in the united states 2019.
8. **World Health Organization (2015)**. Antibiotic resistance: Multi-country public awareness survey.

CA LÂM SÀNG: HUYẾT KHỐI TĨNH MẠCH KHOEO CHÂN Ở BỆNH NHÂN SAU MẮC COVID-19

Vũ Thanh Bình*

TÓM TẮT

Bệnh nhân nữ, 65 tuổi, bệnh lý nền tăng huyết áp điều trị thường xuyên, huyết áp kiểm soát ở mức 120/80 mmHg. Bệnh nhân đã tiêm 2 mũi vaccine phòng COVID-19 AstraZeneca, mũi 1 cách mũi 2 hơn 3 tháng. Sau tiêm vaccine, bệnh nhân không có phản ứng phụ nào nguy hiểm. 3 tháng sau tiêm mũi 2, bệnh nhân mắc COVID-19 được xác định bằng xét nghiệm PCR với nồng độ CT 13,9. Quá trình mắc COVID-19, bệnh nhân được phân tầng mức độ nhẹ và được chỉ định điều trị tại nhà bằng các thuốc thông thường là Paracetamol, Oresol, Vitamin tổng hợp. Sau 11 ngày điều trị, test nhanh kháng nguyên SARS-CoV2 âm tính, chỉ còn triệu chứng nhẹ như mệt, hụt hơi, khó ngủ. Khoảng 1 tháng sau, bệnh nhân thấy tức nặng, phù, đỏ 2 chi dưới, đi khám và được phát hiện có huyết khối tĩnh mạch khoeo trên siêu âm – Doppler. Xét nghiệm thấy D-dimer tăng nhiều, các chỉ số đông máu cơ bản khác và tiểu cầu trong giới hạn bình thường. Bệnh nhân được điều trị bằng chống đông đường tiêm dưới da. Sau 10 ngày điều trị, bệnh ổn định. Vấn đề

đặt ra là thuyên tắc huyết khối này có thực sự do COVID-19, cơ chế nào hình thành huyết khối trong trường hợp này?

Từ khóa: thuyên tắc huyết khối, thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch, COVID-19

SUMMARY

CASE STUDY REPORT: THROMBOEMBOLISM IN POPLITEAL VEIN AT PATIENT AFTER HAVING COVID-19

A 65-year-old female patient with regularly recurrent hypertension, BP controlled at 120/80 mmHg presented severe pain, edema, and redness of both legs. Patient were vaccinated COVID-19 with 2 doses of AstraZeneca, with interval more than 12 weeks. 3 months after the second dose, patient was detected positive with COVID-19 by PCR test with a CT concentration of 13.9. Patient suffered from mild symptoms and was prescribed home treatment with common drugs such as Paracetamol, Oresol, Multivitamin. After 11 days of treatment, the rapid test for SARS-CoV2 antigen was negative, only mild symptoms such as fatigue, shortness of breath, difficulty sleeping. About 1 month later, the patient came to a clinic because of feeling severe pain, edema, and redness of the lower extremities. She was found to have popliteal vein thrombosis on ultrasound - Doppler. Laboratory tests showed a significant increase in D-dimer, other basic coagulation parameters

*Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Thanh Bình

Email: thanhbinhmd@gmail.com

Ngày nhận bài: 14.3.2022

Ngày phản biện khoa học: 29.4.2022

Ngày duyệt bài: 10.5.2022